

Thực hiện nguyên tắc “quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” ở Việt Nam

PGS, TS TRẦN QUANG HIỂN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Email: tranquanghien.ajc@gmail.com

Nhận ngày 12 tháng 12 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 2 năm 2023.

Tóm tắt: Ở Việt Nam, nguyên tắc “quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” là nguyên tắc Hiến định; thực tiễn việc thực hiện nguyên tắc này bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước khác đã đạt được những kết quả to lớn, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Bài viết trên cơ sở phân tích làm rõ cơ sở pháp lý, đánh giá thực tiễn thực hiện nguyên tắc “quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” ở Việt Nam trên phương diện một số kết quả đã đạt được và hạn chế, bất cập; từ đó đề xuất các giải pháp thực hiện nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” ở Việt Nam hiện nay nhằm bảo đảm cho quyền lực nhà nước được thực hiện đúng mục đích và hiệu quả.

Từ khóa: nhân dân; quyền lực nhà nước; thể chế và thiết chế dân chủ trực tiếp; thể chế và thiết chế dân chủ đại diện.

Abstract: In Vietnam, the principle that "state power belonging to the people" is written in the Constitution. In practice, the implementation of this principle has achieved great results via direct democracy or representative democracy through the National Assembly, People's Councils and other state agencies. However, there are still certain limitations. The article analyzes legal foundation and evaluates the achievements and limitations in implementing this principle in Vietnam. Thereby it proposes solutions to carry out the principle of "state power belonging to the people" in Vietnam today in order to ensure that state power is effectively exercised for the right purposes.

Keywords: people; state power; direct democracy; representative democracy.

1. Cơ sở pháp lý của nguyên tắc “quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” ở Việt Nam

Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nhà nước ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo và ban hành. Tại Điều thứ 1 của Hiến pháp này đã khẳng định: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Tinh thần của nguyên tắc ấy được kế thừa trong Hiến pháp năm 1959 bằng quy định tại Điều 4 “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà đều thuộc về nhân dân”. Hiến pháp năm 1980 tiếp tục khẳng định tại Điều 6 “Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tất cả quyền lực

thuộc về nhân dân” và Hiến pháp năm 1992 tại Điều 2 cũng khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức”. Do những yêu cầu của sự phát triển, quản lý đất nước trong tình hình mới, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số: 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992, theo đó Điều 2, khoản 2 được sửa đổi, bổ sung: “Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”.

Hiến pháp năm 2013 tại Điều 2, khoản 2, một lần nữa tiếp tục khẳng định “*Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức*”. Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên còn quy định cụ thể hai phương thức thực hiện quyền lực nhà nước “*nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước*” (Điều 6). Với cơ sở pháp lý như vậy, đã tạo khung khổ pháp lý giúp cho nhân dân thực hiện quyền lực của mình bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện đạt hiệu quả trong thực tế; đây cũng chính là nhằm hiện thực hóa nguyên tắc Hiến định.

2. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc “quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” ở Việt Nam

*** Một số kết quả đã đạt được**

Thứ nhất, pháp luật về bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân ngày càng hoàn thiện⁽²⁾.

Bên cạnh việc khẳng định nhân dân thực hiện quyền lực thông qua thiết chế dân chủ đại diện (Quốc hội và Hội đồng nhân dân), các bản Hiến pháp của Việt Nam qua các thời kỳ đều đã quy định một số hình thức dân chủ trực tiếp và luôn xác định dân chủ trực tiếp là cách thể hiện chân thực, nguyên vẹn nhất ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận trung cầu dân ý, bãi miễn đại biểu dân cử, quyền tham gia quản lý nhà nước, xã hội của người dân. Hiến pháp năm 2013 ra đời đã tạo cơ sở pháp lý để ban hành các văn bản pháp luật quan trọng về mở rộng dân chủ và phát huy dân chủ trực tiếp như: Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (năm 2015), Luật Trưng cầu ý dân (năm 2015), Luật Tiếp cận thông tin (năm 2016), Luật Thanh niên (năm 2020), v.v..

Trong bối cảnh hiện nay khi mà trình độ dân trí ngày càng cao, dân chủ ngày càng được mở rộng, Nhà nước ta đã và đang tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền làm chủ của nhân dân, như: Pháp lệnh Thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn (năm 2007, hiện nay Quốc hội đã thông qua

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022), Luật Khiếu nại (năm 2011), Luật Tố cáo (năm 2011, sửa đổi, bổ sung 2018), Luật Trưng cầu ý dân (năm 2015), Luật Tiếp cận thông tin (năm 2016), v.v.... Bên cạnh đó, sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, nhiều văn bản pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong đó hàm chứa các nội dung về quyền con người, quyền công dân, chẳng hạn: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Dân sự (năm 2015), Luật Báo chí (năm 2016), Luật An ninh mạng (năm 2018), Luật Doanh nghiệp (năm 2020), Luật Đầu tư (năm 2020), v.v.. đã tạo thêm bước tiến mới trong đảm bảo quyền sở hữu tài sản, quyền tự do sản xuất, mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Thứ hai, về việc thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân bằng dân chủ trực tiếp đã đạt được một số kết quả nhất định.

Việc tiếp cận thông tin trong hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật được thực hiện một cách chủ động, công khai, minh bạch; các hoạt động hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật trong thời gian qua đã được thực thi khá tốt trên thực tế; các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khi xây dựng được cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng để công dân tham gia đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, quyền làm chủ của nhân dân tiếp tục được củng cố và có những bước tiến quan trọng, quyền dân chủ trực tiếp thông qua hoạt động bầu cử, ứng cử; trưng cầu ý dân, bãi miễn đại biểu dân cử; tham gia vào quản lý nhà nước (đóng góp ý kiến; khiếu nại, tố cáo; đối thoại dân chủ; thảo luận, phản biện). Quá trình soạn thảo, lấy ý kiến rộng rãi của toàn nhân dân về dự thảo bản Hiến pháp năm 1992, 2013 đã thể hiện đây thực sự là cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn. Trong đợt lấy ý kiến cả nước về sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã tổ chức được 28.000 hội thảo, hội nghị, tọa đàm và thu được 26 triệu lượt ý kiến góp ý về nội dung Hiến pháp⁽⁴⁾; tỷ lệ người dân đi bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đều ở tỷ lệ rất cao, trên 90%.

Thứ ba, về kết quả việc thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân bằng dân chủ đại diện thông qua

Quốc hội, Hội đồng nhân dân (HĐND) và các cơ quan khác của Nhà nước.

Ở nước ta trong thực tiễn sinh hoạt chính trị có một thời gian dài xác định chuyển từ quyền của nhân dân sang quyền của Quốc hội ở Trung ương, của HĐND ở địa phương với quan niệm Nhà nước có thể thay mặt được nhân dân thực hiện toàn bộ quyền lực của nhân dân. Từ đó, chúng ta tin vào khả năng giữ mối liên hệ giữa người chủ quyền lực nhà nước là nhân dân, là cử tri, với người được cử làm đại biểu, đại diện cho nhân dân là đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Trong quá trình soạn thảo, xây dựng, ban hành Hiến pháp năm 2013, các chủ thể có thẩm quyền trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân đã nhận thức rõ hơn và sâu sắc về vấn đề này. Vì vậy, Hiến pháp năm 2013 đã cơ bản khắc phục được hạn chế đó và trong quá trình tổ chức thực hiện đã hiện thực hóa nguyên tắc hiến định này và đã đạt được những kết quả to lớn. Quốc hội và HĐND về tổ chức đã đổi mới theo hướng bảo đảm tốt hơn thể chế dân chủ đại diện; Quốc hội, HĐND hoạt động thường xuyên và chuyên trách, hạn chế số lượng đại biểu Quốc hội, HĐND đồng thời là công chức trong các cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp; hoàn thiện cơ chế cử tri thực hiện quyền bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND khi không còn được nhân dân tín nhiệm...

*** Một số hạn chế, bất cập**

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân vẫn còn những hạn chế nhất định.

Thứ nhất, về một số hạn chế trong thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân bằng dân chủ trực tiếp.

Ở nước ta trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong các bản Hiến pháp luôn khẳng định tầm quan trọng của dân chủ trực tiếp; nhưng chúng ta chưa xây dựng được khung khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ về quy trình, thủ tục thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp. Trong thời gian vừa qua, chúng ta đã ban hành một số luật như: Pháp lệnh Thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn (năm 2007), Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND (năm 2015), Luật Trưng cầu ý dân (năm 2015), Luật Tiếp cận thông tin (năm 2016),

Luật An ninh mạng (năm 2018).v.v.... Tuy nhiên, còn một số hình thức dân chủ trực tiếp (bãi nhiệm đại biểu dân cử, sáng kiến công dân...) còn thiếu vắng những quy định về quy trình, thủ tục thực hiện; do đó đã làm hạn chế việc nhân dân tham gia thực hiện quyền lực bằng các hình thức dân chủ trực tiếp này.

Bên cạnh đó, pháp luật về dân chủ trực tiếp còn thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất; các hình thức, công cụ chủ yếu của dân chủ trực tiếp mới chỉ dừng lại ở những quy định mang tính nguyên tắc, chưa có các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể để thực hiện trong thực tế. Một số quyền công dân về chính trị như quyền biểu tình, quyền lập hội dù được Hiến pháp quy định nhưng chưa được luật hóa và chưa có cơ chế hữu hiệu thực hiện trong thực tế. Một số thiết chế để thực hiện dân chủ trực tiếp chưa được xây dựng, vì vậy các quy định về dân chủ trực tiếp chưa bảo đảm tính khả thi.

Thứ hai, thực tiễn còn có những hạn chế nhất định trong thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân bằng dân chủ đại diện do bất cập trong quy định của pháp luật về các cơ quan đại biểu của nhân dân.

Bất cập trong quy định của pháp luật về “lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm” trong hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội quy định trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND (năm 2015) với chức năng thực hiện hoạt động “lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm” của Quốc hội quy định trong Luật Tổ chức Quốc hội (năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2020). Khoản 6 Điều 11 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND quy định về: Các hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội “6. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn”. Theo quy định của Khoản 3 Điều 2 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND: “Giám sát tối cao là việc Quốc hội theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý. Giám sát tối cao được thực hiện tại kỳ họp Quốc hội”. Như vậy, theo Điều 2 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, hoạt động giám sát tối cao được thực hiện thông qua các hoạt

động “theo dõi, xem xét, đánh giá”, chính vì thế hoạt động lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm không thuộc các hoạt động của hoạt động giám sát. Hơn nữa, quy định về “lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm” được quy định cụ thể tại Điều 12, 13 trong Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi năm 2020), vì vậy quy định việc “lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm” là một trong những nội dung của hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội trong Luật năm 2015 sẽ dẫn đến sự chồng chéo, trùng lặp về thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa “lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm” với tư cách là chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội với “lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm” với tư cách là nội dung của hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội.

Bất cập quy định của pháp luật về chức năng kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm trong hoạt động giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với chức năng kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Khoản 10 Điều 22 về các hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 6 Điều 37 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 quy định về: Các hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội “6. *Kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn*”. Điều 2 của Luật này quy định, sau khi chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, căn cứ vào kết quả giám sát, chủ thể giám sát “xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý”. Như vậy, hoạt động yêu cầu, kiến nghị là những hoạt động sau giai đoạn giám sát, tức là xử lý kết quả giám sát, chứ không phải là hoạt động giám sát. Mặc dù hoạt động giám sát và xử lý kết quả giám sát có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhưng không trùng lặp hay đồng nhất với nhau. Chính vì thế, việc quy định việc “kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm” đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong thực hiện chức năng giám sát là không hợp lý. Hơn nữa, chức năng “kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm” đối với Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của

Quốc hội đã được quy định tại Điều 12,13 trong Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Vì thế việc quy định nội dung này trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND dẫn đến sự trùng lặp về quy định hoạt động kiến nghị của các chủ thể này, và dẫn đến trong thực tiễn triển khai thực hiện khó phân định rõ hoạt động “kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm” với tư cách là *chức năng, nhiệm vụ* của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với “kiến nghị việc bỏ phiếu tín nhiệm” với tư cách là *chức năng, nhiệm vụ giám sát* của các chủ thể này.

Như vậy, về cả nội dung và hình thức của pháp luật, việc quy định đối với cùng một chủ thể (Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Quốc hội) ở hai văn bản luật có cùng hiệu lực pháp lý là không phù hợp, dẫn đến sự chồng chéo, gây lãng phí và giảm hiệu lực pháp lý của văn bản luật.

Thứ ba, còn có những hạn chế trong thực hiện hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

Tại Khoản 1, Điều 9 Hiến pháp năm 2013 quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện chức năng “*giám sát và phản biện xã hội*”; đồng thời tại Khoản 1, Điều 3, Luật Mặt trận Tổ quốc (năm 2015) cũng quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “*Tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước*”. Với cơ sở pháp lý trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trực tiếp thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội và là đầu mối để tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để kiến nghị với Đảng, Nhà nước. Như vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiến hành phương thức thực hiện các chức năng nhằm đưa ra ý kiến và kiến nghị đối với Đảng và Nhà nước, trong khi đó, trách nhiệm giải trình việc tiếp thu ý kiến, kiến nghị hay không tiếp thu ý kiến, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lại chưa được quy định rõ ràng. Bên cạnh đó, trong mối quan hệ chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Đảng và Nhà nước đã tạo ra những ràng buộc chặt chẽ về mặt chính trị trong mối quan hệ này dẫn đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khó khăn trong quá trình giám sát và phản biện xã hội đối với các chính sách của

Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Giải pháp thực hiện nguyên tắc “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” ở Việt Nam hiện nay

Hoàn thiện thể chế và thiết chế nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân; nhân dân trao quyền cho nhà nước không bị mất quyền; phải “*nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế*”⁽⁵⁾. Để đạt được mục tiêu trên trong thời gian tới cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các thể chế, thiết chế dân chủ trực tiếp, thực hành dân chủ ở Việt Nam hiện nay.

Cần sớm xây dựng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật Giám sát, phản biện xã hội và sáng kiến công dân; Luật Biểu tình, Luật Về hội; hoàn thiện pháp luật trung cầu ý dân, pháp luật bầu cử, ứng cử, bãi miễn. Việc xây dựng và hoàn thiện các thể chế thực hành dân chủ hoàn toàn phù hợp với quy định của Hiến pháp hiện hành, vì thế xây dựng và hoàn thiện các thể chế dân chủ này nhằm cụ thể hoá nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và tạo hành lang pháp lý đầy đủ để nhân dân thực hành quyền làm chủ của mình một cách thực chất, đầy đủ trong thực tế.

Việc xây dựng và hoàn thiện các thể chế dân chủ nhằm cụ thể hoá các quyền hiến định của nhân dân là yêu cầu cấp thiết ở Việt Nam hiện nay, vì thế sẽ có vai trò tích cực trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy dân chủ trong quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện các thể chế dân chủ cần phải gắn liền với trình độ văn hoá chính trị và văn hoá pháp lý của nhân dân nhằm đảm bảo sự “phù hợp, tương xứng” giữa quyền làm chủ của nhân dân với năng lực làm chủ của nhân dân trong thực tế.

Thiết nghĩ, trước yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đảm bảo thực hiện nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đòi hỏi phải hoàn thiện thể chế và thiết chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong thực tế quản lý xã hội; phải “thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân

làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽⁶⁾. Giai đoạn từ nay đến năm 2030 cần đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện các thể chế thực hành dân chủ - đây vừa là yêu cầu thể chế hoá đầy đủ quyền Hiến định của nhân dân, đồng thời tạo sự chuyển biến đồng bộ gắn với sự nâng cao văn hoá dân chủ, văn hoá chính trị và văn hoá pháp lý trong xã hội.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế và thiết chế dân chủ đại diện và các hình thức dân chủ đại diện ở Việt Nam hiện nay.

Ở nước ta, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước ngoài bằng dân chủ trực tiếp, còn thực hiện bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và các cơ quan khác của Nhà nước. Thực tiễn, đa số công việc của Nhà nước sẽ được quyết định theo hình thức dân chủ đại diện, tức là bởi những người đại diện do cử tri (nhân dân) bầu ra, đó chính là đại biểu Quốc hội ở trung ương và đại biểu HĐND ở địa phương. Đại biểu Quốc hội và HĐND đại diện cho nhân dân biểu quyết công việc của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định mà mình đưa ra. Mối quan hệ giữa các đại biểu Quốc hội và HĐND và người dân là mối quan hệ giữa người đại diện và người chủ. Người dân là chủ, bầu ra người đại diện, ủy thác quyền lực của nhân dân, để thay mặt nhân dân đưa ra các quyết định thực hiện quyền lực nhà nước. Nhân dân có quyền bãi miễn người đại diện của mình (Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND) “khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁽⁷⁾. Từ các cơ quan đại diện của nhân dân hình thành nên các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước; có thể hiểu cả bộ máy nhà nước đều trực tiếp hoặc gián tiếp bắt nguồn từ nhân dân. Bộ máy nhà nước vận hành theo phương thức này được gọi là chính quyền đại diện. Vì vậy, có thể khẳng định hoàn thiện chế định dân chủ đại diện và các hình thức dân chủ đại diện có ý nghĩa hết sức quan trọng ở nước ta hiện nay.

Trước hết, việc hoàn thiện này cần theo hướng thực chất, nâng cao trách nhiệm, đặc biệt trách nhiệm giải trình của các thiết chế dân chủ đại diện trước cử tri, lấy sự hài lòng của người dân, mức độ bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân làm tiêu chí đánh giá quan trọng nhất⁽⁸⁾. Hoàn thiện pháp luật về bầu cử theo hướng

đại biểu phải gắn bó suốt nhiệm kỳ và thực hiện lời hứa với nhân dân, phản ánh được ý chí nguyện vọng của nhân dân, không còn đại diện chung chung, hình thức. Đại biểu phải chịu sự giám sát của nhân dân, gắn trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với sự tín nhiệm của nhân dân, trường hợp không hoàn thành được trách nhiệm, nhiệm vụ, vai trò đại diện quyền lợi, nguyện vọng của cử tri thì đại biểu phải bị bãi miễn. Bên cạnh đó, cũng cần nâng cao tính dân chủ của hoạt động bầu cử và chất lượng đại biểu Quốc hội và HĐND trên cơ sở đổi mới chế độ bầu cử theo hướng mỗi khu vực bầu cử chỉ bầu một đại biểu, hoàn thiện cơ chế ứng cử, chú trọng khuyến khích ứng cử, bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh cao trong bầu cử. Tiếp tục đổi mới tổ chức Quốc hội, HĐND mạnh mẽ theo hướng bảo đảm tốt hơn thể chế dân chủ đại diện như: Quốc hội, HĐND hoạt động thường xuyên và chuyên trách, hạn chế số lượng đại biểu Quốc hội, HĐND kiêm nhiệm, là cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính; hoàn thiện cơ chế cử tri thực hiện quyền bãi nhiệm đại biểu Quốc hội và HĐND khi các đại biểu này không còn được cử tri tín nhiệm. Tiếp tục rà soát hoàn thiện các thể chế pháp lý về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động để bảo đảm cho Quốc hội, HĐND, các cơ quan của Quốc hội, HĐND và đại biểu Quốc hội, HĐND hoạt động có cơ sở khoa học, pháp lý, hiệu lực, hiệu quả. Cần tránh trường hợp mâu thuẫn, trùng lặp, thiếu cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn. Đơn cử như còn có những bất cập trong các quy định của Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND như đã phân tích trong phần hạn chế thực hiện nguyên tắc của bài viết. Vì vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục làm tốt công tác hệ thống hóa pháp luật nhằm rà soát, phát hiện, loại bỏ những quy phạm pháp luật mâu thuẫn, trùng lặp... bảo đảm tính khả thi của các văn bản pháp luật trong thực tiễn.

Thứ ba, triển khai nghiên cứu xây dựng cơ chế thực hiện vận động tranh cử trong hoạt động bầu đại biểu Quốc hội, HĐND nhằm cung cấp đầy đủ thông tin và minh chứng năng lực bản thân làm cơ sở xác đáng cho cử tri lựa chọn chính xác người đại biểu cho quyền và lợi ích của nhân dân.

Xây dựng cơ chế thực hiện vận động tranh cử

trong hoạt động bầu đại biểu cơ quan dân cử nhằm cung cấp đầy đủ thông tin và minh chứng năng lực bản thân làm cơ sở xác đáng cho cử tri lựa chọn chính xác người đại biểu cho quyền và lợi ích của nhân dân.

Tuy nhiên, cần lưu ý việc thực hiện vận động tranh cử trong hoạt động bầu đại biểu cơ quan dân cử đây là hoạt động chưa có tiền lệ ở Việt Nam, điều này đòi hỏi phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế bầu cử phù hợp với cơ chế này. Song, trong thời gian ngắn, cơ chế này khó được vận hành một cách thuận lợi trong thực tế. Vì vậy, để phù hợp với thực tiễn phát triển của Việt Nam thì cần xác định lộ trình, có định hướng giai đoạn 2030 đến 2045 sẽ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế thực hiện vận động tranh cử trong hoạt động bầu đại biểu cơ quan dân cử, nhằm cung cấp đầy đủ thông tin và minh chứng năng lực bản thân làm cơ sở xác đáng cho cử tri lựa chọn chính xác người đại biểu cho quyền và lợi ích của nhân dân, bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân./.

(1) Xem: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2000, tập 5, tr.698.

(2) Xem: Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Bảo đảm thực hiện, phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, 2021, tr.24-25.

(3) Xem: *Sđd*, tr.26.

(4) Trần Văn Phòng, “Góp phần bác bỏ ý kiến cho rằng “Việt Nam hiện nay phải chuyển đổi thể chế chính trị từ toàn trị sang dân chủ”, trong Hội đồng lý luận Trung ương (2017), *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., tr. 323.

(5) Xem: Nguyễn Phú Trọng, *Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Nhìn lại 10 năm qua; định ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời gian tới*, Bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, ngày 30 tháng 6 năm 2022, tr.24.

(6) Xem: ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc gia sự thật, tập I. tr. 96.

(7) Xem: Quốc hội, *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Điều 7, <https://moj.gov.vn/> ngày 08.12.2022.

(8) Xem: Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Bảo đảm thực hiện, phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, 2021, tr.43.